

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK10+TD1	7:25	5+17	0+0		1+21	0+0	
2		P11+BK4+RCDM	7:25	16+5+1	0+0+0		12+5+5	0+0+0	
3		P9+P10	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
4		P2+P5	9:25	13+9	0+0		13+9	0+0	
5		TD3+CTK3+TD2	9:25	10+6+6	0+0+0		1+1+7	0+0+0	
6		P2+P9	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		BK3+P2	11:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
8		P10+P11+BK10	11:25	19+2+1	0+0+0		10+4+8	0+0+0	
9		RP1+ RP2 +BK6	11:25	5+0+15	0+0+0		0+4+15	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY: BK10-1NG, P11-4NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK10 - TD1	CREW: VThắng - Khang - Luy	ETA: 09:10
xanh-1			

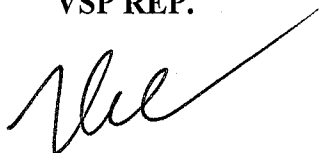
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO HIỆP PHÚ	BK10	18	1	5		53	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN CÔNG TÂN	BK10	20	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ XUÂN THUY	BK10	19	1	5	50	67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ TUẤN HUNG	BK10	17	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG THÀNH	BK10	21	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	KROHALEV M.A	TD1	13	1	4		80	KHOAN	Russian
7	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	69	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH THUY	TD1					60	KHOAN	Vietnamese
9	ĐO NGUYỄN GIAP*PK-PVD	TD1	67	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	VU VAN NAM	TD1	68	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	71	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	72	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
13	TRÌNH CAO TRỌNG	TD1	74-75	2	7		74	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ANH TUẤN	TD1	81	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG THẮNG	TD1					50	KHOAN	Vietnamese
16	HOÀNG TRUNG THÔNG	TD1	88	1	5	78	70	KHOAN	Vietnamese
17	ĐO VĂN QUANG	TD1	82	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN QUANG TIẾN	TD1	70	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	80	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY QUANG	TD1	76	1	11		75	DMC	Vietnamese
21	NGÔ TRI HOÀNG	TD1	79	1	5		67	DVL	Vietnamese
22	PHẠM HOA VIỆT	TD1	77-78	2	10		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	5	5	25	334	50	1		
2	TD1	17	17	82	1.183	78	21		
TOTAL		22	22	107	1.517	128	22		
WEIGHT KG				107	1.517	128			

GRAND TOAL: 1.752 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: P11 - BK4 - RCDM	CREW: Vận - MTHAO - N Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	P11	36-37	2	7	20	65	D-HANH	Vietnamese
2	CHU MINH HUNG	P11	35	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN NGOC QUYẾT	P11	34	1	5		75	NIPI	Vietnamese
4	NGUYEN TIEN DUNG	P11					70	NIPI	Vietnamese
5	PHẠM ĐỨC BÌNH	P11	30	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC LUONG	P11	24	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG HAI	P11	23	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT DUNG	P11	26	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH THANH TAM	P11	21-22	2	15		92	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HAI VIỆT	P11	38	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG SY NGOC	P11	25	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI VAN BA	P11	31	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN NAM	P11	32-33	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN TRI	P11	20	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VAN CUONG	P11	39-40	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG TAN	P11	29	1	4		60	PSV	Vietnamese
17	NGO VAN THANH	P11	27-28	2	10		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TIEN DUNG	BK4	48	1	5	50	76	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO ĐANG ĐỨC	BK4					69	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ BA TUAN	BK4	44-45	2	19		63	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN	BK4	58	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM XUAN MANH	BK4	46-47	2	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

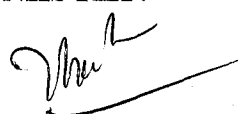
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	17	21	116	1.237	20	12		
2	BK4	5	6	38	346	50	5		
3	RCDM	0	0	0	0	20	5		
TOTAL		22	27	154	1.583	90	22		
WEIGHT KG				154	1.583	90			

GRAND TOAL: 1.827 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	TO: P9 - P10	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

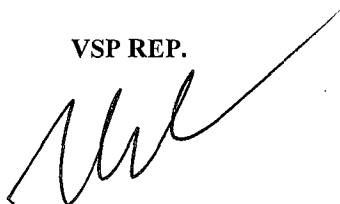
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IAKIMIDI	P9	51	1	9		97	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN XUAN HOANG	P9	50	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VIET THUAN	P9	52	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DOAN ĐỨC	P9	49	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH THUY	P9	53	1	3	15	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN BA KY	P9					82	KH-THAC	Vietnamese
7	VO VAN THOAI	P9	75	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
8	VU MINH PHUONG	P10	03	1	3		70	D-HANH	Vietnamese
9	ROGINSKY	P10	01	1	12		110	ANTOAN	Russian
10	NGUYEN HO THIEN TAM	P10	14	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ĐỨC PHÚC	P10	05-06	2	8		63	KH-THAC	Vietnamese
12	IVANOV	P10	09	1	12		113	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN ANH KHOA	P10	11	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN BAO LAM	P10	10	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN DINH HAI	P10	12	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN NAM	P10	07	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM DUY QUANG	P10	08	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU TOAN	P10				30	75	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ NGOC NGUYEN	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM VAN THUYET	P10	04	1	5	50	70	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH CUONG	P10	13	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN TOAN	P10	02	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

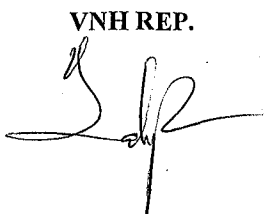
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	7	6	38	541	15	4		
2	P10	15	14	79	1.100	80	18		
TOTAL		22	20	117	1.641	95	22		
WEIGHT KG				117	1.641	95			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

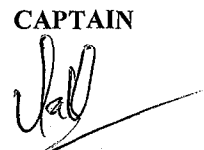
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P2 - P5	CREW: VThắng - Khang - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	AFANASEV	P2	41	1	5		95	KH-THAC	Russian
2	LE NGOC HUNG	P2	37-38	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN THE ANH	P2	42	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN DANG	P2	33	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐAO VAN ĐỨC	P2	40	1	4	30	68	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO VAN ĐAU	P2	30-31	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	VU THANH LONG	P2	34	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ ANH NGỌC	P2	32	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	35	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM MINH DƯƠNG	P2	43	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ VĂN THO	P2	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM SỸ HIỆP	P2	29	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	36	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN CHÍNH	P5	29	1	8		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P5	32	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG THOÁ	P5	33	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VINH PHONG	P5	27	1	16		65	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG KHẮC CUÔNG	P5	28	1	10	40	70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NAM KHANH	P5	30-31	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5	34-35	2	15		76	XAYLAP	Vietnamese
21	LE NHAT TAM	P5	41	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
22	TRẦN DUY ANH	P5	36-37	2	12		68	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	15	73	922	30	13		
2	P5	9	12	110	613	40	9		
TOTAL		22	27	183	1.535	70	22		
WEIGHT KG				183	1.535	70			

GRAND TOAL: 1.788 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: TD3 - CTK3 - TD2	CREW: Vận - MTHAO - N.Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ NGỌC TỬ	TD3	39	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TIỀN QUÝ	TD3	40	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC SANG	TD3	86	1	10	7	69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TÂN PHONG	TD3	41	1	15		55	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ VĂN TIỀN	TD3	38	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	THƯƠNG QUANG TRUNG	TD3	36	1	4		85	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN ĐÀI	TD3	37	1	5		77	NIPI	Vietnamese
8	LÊ VŨ QUANG LÂM	CTK3	36	1	10	55	59	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐO QUANG TAO	CTK3	34	1	9		70	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐINH HẢI ĐƯỜNG	CTK3	39	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC LƯƠNG	CTK3	38	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN TÂN	CTK3	35	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
13	ĐỖ CÔNG PHONG	CTK3	37	1	7		68	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LƯU	TD2	56	1	5	30	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	TD2	55	1	3		54	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH CÔNG	TD2					65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	TD2	54	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN ANH TUẤN	TD2	53	1	6		75	DVL	Vietnamese
19	HOANG VĂN PHƯƠNG	TD2	57	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	7	56	500	7	2		
2	CTK3	6	6	53	404	55	4		
3	TD2	6	5	23	397	30	7		
TOTAL		19	18	132	1.301	92	13		
WEIGHT KG				132	1.301	92			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: P2 - P9	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN KHẮC CÂN	P2	03	1	10		64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	01-02	2	15	30	70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU PHI	P2				18	74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ AN CHUNG	P9	61	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	65	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	71	1	8	15	62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI NGỌC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	P9	64	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN DŨNG	P9	57	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HÀ	P9	56	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN VĂN BĂNG	P9	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC THANH	P9	60	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN HAI	P9	63	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
16	THAI VĂN TUẤN	P9	62	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CAO CHI	P9	67	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
18	HỒ SỸ BÌNH	P9	55	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ MINH THUY	P9	66	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	69-70	2	15		81	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ VĂN LỢI	P9	68	1	4		71	YTE	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN CHIÊU	P9	58	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	4	3	25	273	48	0		
2	P9	18	17	82	1.217	15	22		
TOTAL		22	20	107	1.490	63	22		
WEIGHT KG				107	1.490	63			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: BK3-P2	TO: BK3 - P2	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	97	1	7	40	61	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	94	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK3	96	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM BÀ BÌNH	BK3	95	1	2		69	PSV	Vietnamese
5	ĐÀO QUANG THIẾT	P2	58-59	2	18		68	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN THANH SƠN	P2	48	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ NGỌC THĂNG	P2	53	1	11		84	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ VĂN NIN	P2	55	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	52	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ QUÝ TOÀN	P2	57	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH PHONG	P2	51	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY NGỌC	P2	46	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ HOÀNG NAM	P2	56	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	50	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGỌC QUÝ	P2	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ARKHIPOV	P2	60	1	12		100	ANTOAN	Russian
17	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	P2	62	1	15	48	81	XAYLAP	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC PHONG	P2	66	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
19	BUI MINH TRI	P2	67-68	2	13		76	TH-TIN	Vietnamese
20	PHẠM THANH NAM	P2	61	1	9		66	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THUỘC	P2	54	1	7		59	XAYLAP	Vietnamese
22	PHAN QUÝ DŨNG	P2	49	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

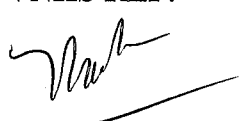
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	4	4	17	266	40	4		
2	P2	18	20	169	1.271	48	18		
TOTAL		22	24	186	1.537	88	22		
WEIGHT KG				186	1.537	88			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

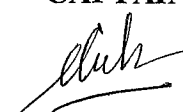
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: P10 - P11 - BK10	CREW: TUYỀN - Vậ - PTUẤN	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN HÔNG LĨNH	P10	37	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	23	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHÍ HIỆU	P10	22	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TẤT THANH	P10	36	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
5	TRƯƠNG VĂN MINH	P10	25	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUYNH VŨ	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
8	LƯU THẾ ANH	P10	28	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	CHERNIAVSKIY D S	P10	34	1	10		104	KH-THAC	Russian
10	NGUYỄN ANH KIẾT	P10	30	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN TRỌNG THẮNG	P10	27	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ HOÀI THANH	P10	31-32	2	15		63	YTE	Vietnamese
13	TRẦN VĂN TRƯỞNG	P10	35	1	5		67	PSV	Vietnamese
14	LÊ HOỒNG ĐẠI	P10	33	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
15	NGUYỄN THẾ HẠNH	P10	38	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	26	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI ĐÌNH PHI	P10	24	1	5		63	NIPI	Vietnamese
19	MISHIN	P10	21	1	6		106	NIPI	Russian
20	NGUYỄN HỒNG THẮNG	P11	59	1	5	30	82	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	25	1	6	30	73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	18	106	1.361	0	10		
2	P11	1	1	5	82	30	4		
3	BK10	1	1	6	73	30	8		
TOTAL		21	20	117	1.516	60	22		
WEIGHT KG				117	1.516	60			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:00
FLIGHT:	TO: RP1 - BK8 - BK6	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 13:40
HONG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NGHĨA	RP1	63-64	2	16		60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	RP1	61-62	2	10		76	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN QUỐC THỊNH	RP1	59-60	2	10		53	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ TỰ KHA	RP1	67	1	8	40	84	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RP1	65-66	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT BANG	RP1	58	1	9		64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ VĂN DŨNG	BK6	43	1	7		78	XAYLAP	Vietnamese
8	BUI VĂN DŨNG	BK6	39	1	10	11	60	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ TRUNG HIỀU	BK6	49-50	2	18	5	92	XAYLAP	Vietnamese
10	DUƠNG MINH HOÀNG	BK6	44	1	14		67	XAYLAP	Vietnamese
11	HÀ HỮU THAI	BK6	88-89	2	18		64	XAYLAP	Vietnamese
12	NGO HỒNG THANH	BK6	40	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VIỆT HUY	BK6	41	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN SỸ MỸ	BK6	37-38	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG CHUNG	BK6	47-48	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI TRỌNG HỘI	BK6	51	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
17	HOÀNG VĂN NAM	BK6	52	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN CÔNG QUYNH	BK6	45-46	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
19	HỒ NGUYỄN HẬU	BK6	90-91	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CANH LUYỆN	BK6	92-93	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT DŨNG	BK6	42	1	14		58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	6	10	71	407	40	0		
2	BK8	0	0	0	0	0	4		
3	BK6	15	22	207	1.001	16	15		
TOTAL		21	32	278	1.408	56	19		
WEIGHT KG				278	1.408	56			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		13	0	
2		CNV+CTK3+CI	7:25	0+4+16	0+0+0		0+3+19	0+0+0	*CHUYỂN 1 CNV-CI * CHUYỂN 1 CNV-CTK3
3		P3+BK16	7:25	17+5	0+0		17+5	0+0	
4		P8+CI	7:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
5		P6+TD2	7:25	1+20	0+0		0+22	0+0	
6		PPD+CTK3+P9	9:25	21+1+0	0+0+0		15+4+3	0+0+0	CHUYỂN 2 PPD CTK3
7		PPD+RP2+JS2	9:25	15+5+2	0+0+0		6+12+4	0+0+0	CHUYỂN 2 RP2 JS2
8		AMD+P3+P10	9:25	19+1+0	0+0+0		15+2+5	0+0+0	
9		CTK3+GTCl	9:25	17+5	0+0		15+7	0+0	
10		PPD+RP1+TD5	11:25	22+0+0	0+0+0		11+2+6	0+0+0	RP1 1 BENH NHAN XNKT
11		P1+P4+AMD	11:25	22+0+0	0+0+0		0+9+10	0+0+0	
12		CTK3-RC3	11:25	22	0		17+2	0	



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:25
FLIGHT:	TO: T.UNG	CREW: MTiến - Toàn	ETA: 10:30
XANH-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	T.UNG					69	PVD	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC HIỂU	T.UNG	38	1	8		70	PVD	Vietnamese
3	PHẠM QUANG QUY	T.UNG	45	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THANH TÙNG	T.UNG	40	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN THANH	T.UNG					72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN XUÂN THUY	T.UNG	49	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
7	VÔ CHIẾN THẮNG	T.UNG	47	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC TOÀN	T.UNG	51	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRẦN SƠN	T.UNG	37	1	5	120	59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH BẠC	T.UNG	43	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG VĂN TRỌNG	T.UNG	39	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
12	HỒ ĐÌNH HUY	T.UNG	48	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU THÀNH	T.UNG	44	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HOÀ	T.UNG					67	PSV	Vietnamese
15	HỒ VĂN TÍNH	T.UNG	41	1	4		54	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	T.UNG	42	1	3		62	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	T.UNG	36	1	5		61	PSV	Vietnamese
18	LƯƠNG CÔNG ĐẠT	T.UNG	46	1	7		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	15	83	1.156	120	13		
TOTAL		18	15	83	1.156	120	13		
WEIGHT KG				83	1.156	120			

GRAND TOAL: 1.359 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	TO: CNV - CTK3 - CLI	CREW: Hạnh - DUONG - Vũ	ETA: 09:10
cam-1			

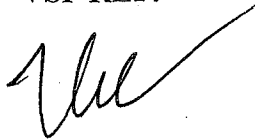
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN NGOC BINH	CTK3	14	1	5	70	70	SBAY	Vietnamese
2	NGUYEN VAN DAI	CTK3	17-18	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM THANH HAI	CTK3	24	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	19	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
5	KHOROSHENKOV	CLI	94	1	7		80	KH-THAC	Russian
6	CHERNYSHENV	CLI	95	1	5		108	KH-THAC	Russian
7	DOKUCHAEV	CLI	93	1	10		103	KH-THAC	Russian
8	NGUYEN CONG LAM	CLI	84	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
9	MAI NGOC THIET	CLI	75	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN ANH VIET	CLI					80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC SON	CLI	92	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
12	VU MINH TIEN	CLI	98-99	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
13	DO VAN DOAN	CLI	200	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NAM KHANH	CLI	91	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
15	TO QUOC THINH	CLI	97	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN THANH LONG	CLI					64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN TUE	CLI	90	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VAN NHAN	CLI	87	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU LAM	CLI	96	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG QUOC VIET	CLI	85-86	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	0	0	0	0	40	0+2		chuyen 01 pax tu CNV sang CLI
2	CTK3	4	5	25	281	70	3		CHUYEN 01 PAX TU CNV SANG CTK3
3	CLI	16	16	103	1.187		19		
TOTAL		20	21	128	1.468	110	22		
WEIGHT KG				128	1.468	110			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: P3 - BK16	CREW: Vận - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 09:15
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN BÁ LƯỢNG	P3					68	KHOAN	Vietnamese
2	IVANOV	P3	02	1	6		86	ANTOAN	Russian
3	BUI NGOC LAM	P3	10	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TUẤN	P3	03	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P3	12	1	9		83	KHOAN	Vietnamese
6	VU VAN DOANH	P3					68	KHOAN	Vietnamese
7	ĐO VAN PHAN	P3	11	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MINH HIEU	P3	13	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN QUANG HAO	P3	15	1	9		90	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN QUYẾT TIẾN	P3	04	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHÂN	P3	08	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
12	PHAN TUẤN LONG	P3	09	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HUNG	P3	07	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN SĨ LONG	P3	14	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	P3	16	1	8		74	DVL	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG QUY	P3	06	1	8		68	DVL	Vietnamese
17	MAI VĂN DƯƠNG	P3	05	1	6		78	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK16	60	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN LIÊU	BK16	59	1	7	50	73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN DUY TUẤN	BK16	63	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HÀ	BK16	62	1	4		59	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	61	1	8		76	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	17	15	102	1.236	0	17		
2	BK16	5	5	29	339	50	5		
TOTAL		22	20	131	1.575	50	22		
WEIGHT KG				131	1.575	50			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	TO: P8 - CLI	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN KHAC CUONG	P8	20-21	2	16		74	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIEN TOAN	P8	22-23	2	20		67	CODIEN	Vietnamese
3	VÔ TIEN PHỤNG	P8	18-19	2	14		62	CODIEN	Vietnamese
4	MAI PHUC LINH	CLI	51	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THAM	CLI	63	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET HOA	CLI	61	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG NHẬT MINH	CLI	62	1	3	40	77	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM TRỌNG TUẤN	CLI	67	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN DUNG	CLI	65	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN DU	CLI	53	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN THIÊN PHƯỚC	CLI	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH ĐỨC	CLI	58	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VAN KHANH	CLI	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN TUYẾN	CLI	59	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KHANH	CLI	56	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN BÌNH THUẬN	CLI	70	1	4		70	ANTOAN	Vietnamese
17	LÊ NGỌC TÂN	CLI	68-69	2	14		64	T-TIN	Vietnamese
18	PHẠM THANH NHA	CLI	66	1	5		80	PSV	Vietnamese
19	CAO VIỆT BAO	CLI	52	1	6		50	PSV	Vietnamese
20	VŨ HỮU TRƯỞNG	CLI	54	1	2		69	PSV	Vietnamese
21	PHẠM TUẤN THANH	CLI	57	1	5		76	PSV	Vietnamese
22	PHAN THANH NAM	CLI	55	1	12		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	3	6	50	203	0	0		
2	CLI	19	20	107	1.333	40	22		
TOTAL		22	26	157	1.536	40	22		
WEIGHT KG				157	1.536	40			

GRAND TOAL: 1.733 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 5	TO: P6 - TD2	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 09:30
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HUY THÁI	P6	98	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HAI	TD2	66	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
3	DOROSHENKO M.K	TD2	71	1	6		70	KHOAN	Russian
4	SADOVNICHENKO	TD2	63	1	5		100	KHOAN	Russian
5	GROMOV S.A	TD2	62	1	5		85	KHOAN	Russian
6	TRẦN TRỌNG ANH	TD2	68	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	61	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2				40	65	KHOAN	Vietnamese
9	BUI TRUNG THỌ	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ ANH QUÂN	TD2	75	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	74	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	70	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM VĂN THĂNG	TD2	76	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG VĂN ĐÀO	TD2	78	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ TRƯỜNG LAM	TD2	60	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
16	NGÔ VĂN BÁC	TD2	64	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ XUÂN TRƯỜNG	TD2	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ MẠNH HÙNG	TD2	69	1	10		75	ANTOAN	Vietnamese
19	LUƠNG NGỌC HOÀNG	TD2	67	1	7		71	DVL	Vietnamese
20	ĐÌNH ANH DŨNG	TD2	77	1	5		70	GETRACO	Vietnamese
21	ĐÌNH EM	TD2	72-73	2	12		67	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	1	1	5	72	0	0		
2	TD2	20	19	105	1.496	40	22		
TOTAL		21	20	110	1.568	40	22		
WEIGHT KG				110	1.568	40			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: PPD - CTK3 - P9	CREW: Hạnh - DUONG - Vũ	ETA: 11:20
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN PHONG	PPD	800,53	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC THỂ	PPD	75-77	3	20		60	XAYLAP	Vietnamese
3	CÙ CHÍ CÔNG	PPD	73-74	2	20		69	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN TRƯỞNG BIÊN	PPD	98-99	2	14		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	PPD	97	1	12	100	66	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN VĂN CẨM	PPD	95-96	2	10	15	62	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN DUAN	PPD	88-89	2	10		64	KHI	Vietnamese
8	PHAN VĂN THẮNG	PPD	86	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	79-81	3	12		74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN PHONG	PPD					69	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	84	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TÔ QUANG HUY	PPD					78	KH-THAC	Vietnamese
13	VÕ MẠU MÊN	PPD	91	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG ĐÌNH TIẾN	PPD	85	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC HAI	PPD	83	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TUẤN ANH	PPD	82	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH HAI	PPD	90	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH SƠN	PPD	72	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
19	NGO VIỆT ANH	PPD	87	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN THANH QUANG	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	78	1	12		49	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG HÀ	CTK3	25,26	2	20	20	68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	27	180	1.456	115	15	2	CHUYEN 2 PAX PPD SANG CTK3
2	CTK3	1	2	20	68	0	4		
3	P9	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	29	200	1.524	115	22		
WEIGHT KG				200	1.524	115			

GRAND TOAL: 1.859 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	TO: PPD - RP2 - JS2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Vận - TRƯỜNG - PTUẤN	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ HIẾN THANH	PPD	37	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG TUẤN HÙNG	PPD	40	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN BA	PPD	39	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
4	DUƠNG TUNG HUYNH	PPD	29	1	5	109	66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC VIỆT	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	PPD	38	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN VINH	PPD	36	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ TRỌNG LINH	PPD	33	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN QUÂN	PPD	43-44	2	14		73	CODIEN	Vietnamese
10	PHẠM THANH HAI	PPD	41-42	2	10		60	CODIEN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THIỆU	PPD	35	1	7		69	CODIEN	Vietnamese
12	PHUNG BA ĐỀ	PPD	31	1	6		72	CODIEN	Vietnamese
13	CHU TUẤN ANH	PPD	32	1	10		72	CODIEN	Vietnamese
14	HOANG MINH TUẤN	PPD	30	1	11		72	CODIEN	Vietnamese
15	DUƠNG HỮU THUẬN	PPD	34	1	5		63	CODIEN	Vietnamese
16	LÊ LAM	RP2					70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN KHOA TRƯỜNG	RP2	61	1	5	17	73	NIPI	Vietnamese
18	ĐỖ CÔNG MINH	RP2	62	1	4	30	69	GETRACO	Vietnamese
19	TRẦN VĂN VIỆT A	RP2	64	1	4		68	GETRACO	Vietnamese
20	CAO DUY LUNG	RP2	63	1	5		55	GETRACO	Vietnamese
21	NGUYỄN HỒNG BÌNH	JS2	32	1	8	12	70	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ HỮU THANH	JS2	31	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	16	92	1.053	109	6		CHUYEN 2 PAX RP2 SANG JS2
2	RP2	5	4	18	335	47	12		
3	JS2	2	2	16	137	12	4		
TOTAL		22	22	126	1.525	168	22		
WEIGHT KG				126	1.525	168			

GRAND TOAL: 1.819 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 8	TO: AMD - P3 - P10	CREW: Khang - MMinh - Luy	ETA: 11:30
Xanh - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	76	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	72	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	34	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN HOANG	AMD	78-79	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	81	1	5	18	76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN VINH (PVDT)	AMD	36	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NGOC ĐỨC	AMD	73	1	7		86	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ XUÂN ĐỨC	AMD	74	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
9	HUYNH PHÚC ÂM	AMD	75	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG ANH SƠN	AMD	77	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	AMD	80	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN MINH	AMD	31	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH AN	AMD	35	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	DO VĂN HOANG	AMD	32-33	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGOC LÔI	AMD	82-83	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIẾU	P3	17	1	14		85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	15	18	102	1.051	18	15		
2	P3	1	1	14	85	0	2		
3	P10	0	0	0	0	35	5		
TOTAL		16	19	116	1.136	53	22		
WEIGHT KG				116	1.136	53			

GRAND TOAL: 1.305 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 9	TO: CTK3 - GTC1	CREW: Cương - VTHU - thông	ETA: 11:40
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	37	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	35	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI VĂN THAI	CTK3	39	1	3	50	70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DAN	CTK3	42	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ XUÂN ĐẠT	CTK3	15	1	7		81	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN HỮU DƯƠNG	CTK3	16	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN THẮNG	CTK3	36	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN NHUẬN	CTK3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM TIẾN PHƯỢNG	CTK3	41	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	38	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
11	MAKAROV	CTK3	27	1	16		100	KH-THAC	<i>Rus</i>
12	ĐẠO VĂN MINH	CTK3	30	1	2		55	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC HIỆP	CTK3	33	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG XUÂN SƠN	CTK3	28-29	2	20		73	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH THẮNG	CTK3	34	1	15		74	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI THANH HOẠT	CTK3	32	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI MINH HAI	CTK3	31	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM THAI	GTC1	28	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ QUY HOÀNG	GTC1	30	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒNG MINH	GTC1	26-27	2	15	80	85	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRẦN KHÁNH	GTC1	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUYẾT	GTC1	31	1	2		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	17	18	114	1.207	50	15		
2	GTC1	5	6	27	345	80	7		
TOTAL		22	24	141	1.552	130	22		
WEIGHT KG				141	1.552	130			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 10	TO: PPD - RP1 - TD5	CREW: Hạng - DUONG - Vũ	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MINH VIỆN	PPD	68-69	2	10		70	KHI	Vietnamese
2	DƯƠNG CHI TUYẾN	PPD	72	1	4		67	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN KIẾN	PPD	63	1	5	40	70	PSV	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH ĐÔNG	PPD	65	1	3		55	PSV	Vietnamese
5	VŨ THÈ LIÊN	PPD	64	1	5		55	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	XAYLAP	Vietnamese
7	KODISVARAN JAYARAMAN	PPD	91-92	2	17		65	SORLA	Myanmar
8	TRẦN THANH HAI	PPD	93-94	2	12		75	DKE	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC LỘC	PPD	96	1	10		65	DKE	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ	PPD	95	1	10		60	DKE	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	97	1	7		70	DKE	Vietnamese
12	ĐO THÈ QUANG	PPD	79-80	2	12		70	YOKOGAWA	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN LUẬN	PPD	70-71	2	12	15	70	YOKOGAWA	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC TÚ	PPD	77-78	2	15		67	YOKOGAWA	Vietnamese
15	VŨ VĂN THƯỜNG	PPD	90	1	17		68	PECSI	Vietnamese
16	HOANG ANH GIANG	PPD	81-82	2	10		70	PECSI	Vietnamese
17	HOA HỒNG TÌNH	PPD	85	1	10		52	PECSI	Vietnamese
18	PHẠM TĂNG THANH AN	PPD	83-84	2	10		70	PECSI	Vietnamese
19	TRẦN HAI ĐĂNG	PPD	86-87	2	7		70	PECSI	Vietnamese
20	PHẠM VĂN ĐỨC	PPD	88-89	2	12		73	PECSI	Vietnamese
21	LÊ ĐÌNH THAO	PPD	66-67	2	15		70	PVGAS	Vietnamese
22	NGUYEN QUOC QUAN	RP1	71	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	21	31	203	1.402	55	13		
2	RP1	1	1	5	78	0	1		
3	TD5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	32	208	1.480	55	20		
WEIGHT KG				208	1.480	55			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:55
FLIGHT: 11	TO: P1 - P4 - AMD	CREW: ATUẤN - Vận - Nnam	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐINH VĂN THIÊN	P1	25-26	2	14		58	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM HỒNG VŨ	P1	27-28	2	20		43	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ ĐỨC TUYẾN	P1	24	1	20		78	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN MAI	P1	29	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐỖ TRỌNG LƯỢNG	P1	13-14	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC THỎ	P1	06-07	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH ĐỎ	P1	15-16	2	20		80	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN HUY ANH	P1	04-05	2	18		95	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI NGỌC TUẤN	P1	18-19	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
10	LÂM QUANG QUY	P1	12	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN CHUNG	P1	20	1	18		65	XAYLAP	Vietnamese
12	QUÁCH XUÂN THƯƠNG	P1	22	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHÁNH	P1	17	1	11		55	XAYLAP	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT HÙNG	P1	30	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN NINH	P1	08-09	2	13		70	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN BẢNG	P1	10	1	6		68	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	P1	03	1	10		73	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN PHI HÙNG	P1	01	1	15		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TUẤN	P1	21	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
20	VŨ VĂN TRUNG	P1	02	1	7		74	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY GIANG	P1	11	1	8		67	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ XUÂN TÍNH	P1	23	1	11		74	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	30	305	1.502	0	0		
2	P4	0	0	0	0	17	9		
3	AMD	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	30	305	1.502	17	19		
WEIGHT KG				305	1.502	17			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/09/2019	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 12	TO: CTK3 - RC3	CREW: VThắng - Khang - Luy	ETA: 13:40
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	16	1	3		58	POC-DH01	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH KHOAT	CTK3					77	POC-DH01	Vietnamese
3	LÊ TRƯƠNG AN	CTK3	20	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM HỒNG SƠN	CTK3	21	1	15		60	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HOANG TÙNG	CTK3	19	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	15	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN MINH DIỄN	CTK3	17	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	DUƠNG VĂN BÌNH	CTK3	18	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO KIM SÂM	CTK3	11	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN BAU	CTK3	12	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ VĂN BAN	CTK3	10	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN CÔNG THANH	CTK3	02-03	2	18		77	ANTOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRUNG DINH	CTK3	25	1	13		57	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3	08-09	2	18		57	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐINH ĐỨC THIÊN	CTK3	06	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
17	LUƠNG THÈ HIỂN	CTK3	22-23	2	13		63	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN VĂN ĐỨC	CTK3	07	1	8		77	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN MẠNH HÀ	CTK3	14	1	8		75	NIPI	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU NHAN	CTK3	05	1	5	15	75	NIPI	Vietnamese
21	LÊ THỊ ĐOÀN TRANG	CTK3	13	1	10		53	NIPI	Vietnamese
22	VUÔNG ĐÌNH ĐÔNG	CTK3	04	1	5		85	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	22	23	186	1.492	15	17		
2	RC3	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	23	186	1.492	15	19		
WEIGHT KG				186	1.492	15			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN